



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục số 06

ĐANH SÁCH HỒ SƠ CẤP GCNQSDD NHƯNG KHÔNG CÓ HỒ SƠ VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH  
(Ban hành kèm theo Kết luận số 11/KL-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| Xã |          | To | Thửa | Diện tích | Loại đất | Tên chủ sử dụng                               | Số giấy  | Ngày cấp | Nguồn gốc<br>kê khai đăng ký                                                                   | Ghi chú               |
|----|----------|----|------|-----------|----------|-----------------------------------------------|----------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1  | Phù Ngọc | 65 | 11   | 1189.8    | CLN      | Ông Dương Tất Đức và Bà Dương Thị Hoài Thương | BE386236 | 31-12-12 | đất của Cty mía đường, bà Lê Thị Liên khai phá năm 1984, đến năm 2008 cho con là Dương Tấn Đức | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 2  | Phù Ngọc | 65 | 15   | 3414.2    | NTS      | Ông Mai Trung Tấn Bà Đặng Thị Dương           | BE349553 | 31-12-12 | Cha mẹ khai phá năm 1989, năm 2008 cho lại con                                                 | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 3  | Phù Ngọc | 65 | 38   | 2251.4    | NTS      | Ông Lê Xuân Thành và Bà Mai Thị Khuyên        | BE386246 | 31-12-12 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1987                                                          | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 4  | Phù Ngọc | 67 | 211  | 426       | BHK      | Ông Trần Xuân Hy và Bà Trần Thị Ngân          | BD131422 | 15-12-11 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1992                                                          | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 5  | Phù Ngọc | 67 | 271  | 1477      | BHK      | Ông Đỗ Quang Huyềnvà Bà Cao Thanh Huyền       | BE394387 | 31-12-12 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1988                                                          | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 6  | Phù Ngọc | 67 | 272  | 579       | NTS      | Ông Trần Xuân Hy và Bà Trần Thị Ngân          | BD131422 | 15-12-11 | khai phá năm 1989                                                                              | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 7  | Phù Ngọc | 68 | 101  | 2,957.0   | BHK      | Ông Khúc Thừa Tuấn và Bà Nguyễn Thị Vê        | V768665  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1994                                                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 8  | Phù Ngọc | 68 | 118  | 1,097.0   | BHK      | Ông Khúc Thừa Tuấn và Bà Nguyễn Thị Vê        | V768665  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1994                                                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC |

|    |          |    |                    |         |     |                                                  |          |          |                                                                |                              |
|----|----------|----|--------------------|---------|-----|--------------------------------------------------|----------|----------|----------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 9  | Phú Ngọc | 68 | 119                | 796     | BHK | Ông Khúc Thừa Tuấn<br>và Bà Nguyễn Thị Về        | V768665  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1994                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 10 | Phú Ngọc | 68 | 135                | 1.463.0 | BHK | Ông Khúc Thừa Tuấn<br>và Bà Nguyễn Thị Về        | V768665  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1994                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 11 | Phú Ngọc | 68 | 136                | 483.0   | BHK | Ông Khúc Thừa Tuấn<br>và Bà Nguyễn Thị Về        | V768665  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1994                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 12 | Phú Ngọc | 68 | 154                | 4516    | CLN | Ông Khúc Thừa Tuấn<br>và Bà Nguyễn Thị Về        | V768665  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1994                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 13 | Phú Ngọc | 69 | 44                 | 12774   | BHK | Nguyễn Đình Nguyên                               | A 553569 | 30-06-93 |                                                                | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 14 | Phú Ngọc | 69 | 62                 | 10384   | BHK | Ông Nguyễn Văn Chiến                             | V768997  | 08-12-02 | Tự khai phá năm 1995                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 15 | Phú Ngọc | 69 | 148<br>(25<br>góc) | 3842    | BHK | Hồ Tình<br>Bùi Thị Lệ Khuê                       | V 768309 | 12-08-02 | Tự khai phá năm 1994                                           | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 16 | Phú Ngọc | 69 | 149                | 4545    | BHK | Ông Hồ Tân và Bà Trần<br>Thị Lệ Hằng             | BC639008 | 25-02-11 | nhận tặng cho từ cha mẹ là Hồ Tình và Bùi<br>Thị Khuê năm 2011 | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 17 | Phú Ngọc | 69 | 151                | 8467    | BHK | Ông Nguyễn Văn Chiến                             | W714289  | 24-06-03 | nhận chuyển quyền từ ông Lê Cao Phổ năm<br>2003                | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 18 | Phú Ngọc | 74 | 32                 | 317.9   | CLN | Ông Nguyễn Nhật<br>Thống và Bà Phan Thị<br>Nhưng | BP031388 | 02-12-13 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1986                              | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 19 | Phú Ngọc | 74 | 46                 | 329.4   | ONT | Ông Lê Văn Tương và<br>Bà Nguyễn Thị Hương       | BE405063 | 15-12-11 | Cty mía đường cấp năm 1996                                     | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |





|    |          |    |     |        |     |                                        |          |          |                                                                   |                              |
|----|----------|----|-----|--------|-----|----------------------------------------|----------|----------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 20 | Phú Ngọc | 74 | 57  | 116.3  | CLN | Ông Vũ Xuân Bình và Bà Hoàng Thị Chấn  | BH926342 | 15-12-11 | Cty mía đường cấp năm 1987                                        | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 21 | Phú Ngọc | 74 | 60  | 523.6  |     | Ông . và Bà Đoàn Thị Tươi              | BI256003 | 01-08-13 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1992                                 | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 22 | Phú Ngọc | 74 | 62  | 132.9  | CLN | Ông Vũ Đức Tuấn và Bà Trương Thị Quyên | BH926366 | 15-12-11 | Cty mía đường cấp năm 1986                                        | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 23 | Phú Ngọc | 74 | 63  | 355.9  | ONT | Ông Lê Minh Sơn và Bà Lê Thị Hải       | BH926267 | 15-12-11 | Cty mía đường cấp năm 1986                                        | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 24 | Phú Ngọc | 74 | 66  | 990.2  | CLN | Ông Vũ Xuân Bình và Bà Hoàng Thị Chấn  | BE405068 | 15-12-11 | Cty mía đường cấp năm 1987                                        | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 25 | Phú Ngọc | 74 | 68  | 283.1  | ONT | Ông Nguyễn Cao Tiến và Bà Lê Thị Tia   | BE397564 | 15-12-11 | Cty mía đường cấp năm 1986                                        | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 26 | Phú Ngọc | 74 | 78  | 3257.9 | BHK | Ông Mai Trung Vũ                       | CV327708 | 19-05-20 | nhận chuyển quyền từ ông Nguyễn Văn Tư và bà Bùi Thị Bảy năm 2020 | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 27 | Phú Ngọc | 74 | 81  | 1103.2 | CLN | Ông Trần Nhất Khôi và Bà Phạm Thị Mừng | BE397808 | 15-12-11 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1989                                 | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 28 | Phú Ngọc | 74 | 141 | 828.3  | ONT | Ông Vũ Xuân Bình và Bà Hoàng Thị Chấn  | BH926341 | 15-12-11 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1987                                 | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 29 | Phú Ngọc | 74 | 143 | 528.2  | ONT | Ông Vũ Đức Tuấn và Bà Trương Thị Quyên | BH926365 | 15-12-11 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1986                                 | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 30 | Phú Ngọc | 74 | 146 | 870    | ONT | Ông Vũ Xuân Bình và Bà Hoàng Thị Chấn  | BE405067 | 15-12-11 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1987                                 | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |

|    |          |    |     |        |         |                                           |           |            |                                                                                                           |                                     |
|----|----------|----|-----|--------|---------|-------------------------------------------|-----------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 31 | Phú Ngọc | 74 | 162 | 254.5  | BHK     | Bà Nguyễn Thị Thêm                        | BP031398  | 02-12-13   | Cty mía đường La Ngà cấp năm 2000                                                                         | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 32 | Phú Ngọc | 74 | 163 | 400    | ONT     | Bà Nguyễn Thị Thêm                        | BP031014  | 02-12-13   | Cty mía đường La Ngà cấp năm 2000                                                                         | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 33 | Phú Ngọc | 75 | 29  | 901.2  | NTS     | Ông Nguyễn Văn Hòa và Bà Lê Thị Hương     | BI256038  | 01-08-13   | Cty mía đường cấp năm 1987                                                                                | Chưa tìm thấy HS NVTC               |
| 34 | Phú Ngọc | 75 | 30  | 445.3  | CLN     | Bà Lại Thị Âu                             | BP031049  | 02-12-13   | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1986                                                                         | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 35 | Phú Ngọc | 75 | 45  | 380.5  | CLN     | Ông Lê Đình Vân                           | BE349642  | 01-08-13   | Cty mía đường La Ngà cấp cho bà Trần Thị Kỳ năm 1986, đến năm 2008 cho lại con là ông Lê đình Văn sử dụng | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 36 | Phú Ngọc | 75 | 60  | 2241.4 | BHK     | Ông Lê Đình Vân                           | BE349643  | 01-08-13   | Cty mía đường cấp cho bà Trần Thị Kỳ năm 1986, năm 2008 cho con là Lê Đình Văn sử dụng                    | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 37 | Phú Ngọc | 75 | 87  | 562.7  | ONT     | Bà Lại Thị Âu                             | BP031048  | 02-12-13   | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1986                                                                         | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 38 | Phú Ngọc | 75 | 102 | 532    | ONT     | Ông Lê Đình Vân                           | BI256002  | 31-12-13   | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho bà Trần Thị Kỳ năm 1986, đến năm 1990 cho con là Lê Đình Văn sử dụng     | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 39 | Phú Ngọc | 76 | 196 | 6269   | NTS     | Ông Nguyễn Văn Hương và Bà Vũ Thị Loan    | BE397833  | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1988                                                                     | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |
| 40 | Phú Ngọc | 79 | 12  | 5506   | CLN     | Lê Xuân Thín và Nguyễn Thị Sen            | BE 349585 | 31-12-12   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1986 cho ông Nguyễn Thanh Hưng, đến năm 1991 cho lại con                 | Đã thu hồi<br>Chưa tìm thấy HS NVTC |
| 41 | Phú Ngọc | 79 | 107 | 2460   | ONT+CLN | Ông Tống Minh Luân và Bà Nguyễn Thị Thuận | BH926296  | 15/12/2011 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1985                                                                     | Xác nhận chưa thực hiện NVTC        |



|    |          |    |     |      |     |                                             |          |            |                                                                                                                     |                              |
|----|----------|----|-----|------|-----|---------------------------------------------|----------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 42 | Phú Ngọc | 79 | 123 | 553  | NTS | Ông Nguyễn Thanh Trọng và Bà Trần Thị Loan  | BE397837 | 15/12/2011 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1985                                                                               | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 43 | Phú Ngọc | 79 | 124 | 959  | NTS | Ông Giang Văn Tồn và Bà Vũ Thị Liệp         | BE349531 | 31/12/2012 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1990                                                                               | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 44 | Phú Ngọc | 79 | 126 | 1291 | NTS | Ông Hồ Hữu Liêu và Bà Trần Thị Phong        | BE397704 | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1986                                                                               | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 45 | Phú Ngọc | 80 | 64  | 940  | CLN | Ông Nguyễn Trọng Nhật và Bà Trương Thị Luận | BE397749 | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1989                                                                               | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 46 | Phú Ngọc | 80 | 122 | 151  | CLN | Ông Nguyễn Trọng Nhật và Bà Trương Thị Luận | BE397749 | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1989                                                                               | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 47 | Phú Ngọc | 87 | 4   | 784  | NTS | Ông Đỗ Văn Lâm và Bà Vũ Thị Lan             | CT839033 | 18-12-19   | nhận chuyển quyền từ ông Trần Xuân Hy và bà Trần Thị Ngân năm 2019                                                  | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 48 | Phú Ngọc | 87 | 10  | 728  | BHK | Ông Phạm Văn Lập                            | BH926135 | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho ông Phạm Thanh Hoàng năm 1991, đến năm 2006 ông Hoàng cho ông Phạm Văn Lập sử dụng | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 49 | Phú Ngọc | 87 | 14  | 1527 | CLN | Bà Nguyễn Thị Mai                           | BE397968 | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1987                                                                               | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 50 | Phú Ngọc | 87 | 66  | 1018 | CLN | Ông Lê Hồng Bình                            | BH926379 | 15-12-11   | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1986                                                                               | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 51 | Phú Ngọc | 87 | 157 | 331  | ONT | Ông Hoàng Văn Nhự và Bà Lê Thị Minh Song    | BE349862 | 31-12-12   | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho ông Lê Minh Pháo năm 1986, đến năm 1992 cho con là bà Song và ông Nhự sử dụng      | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 52 | Phú Ngọc | 87 | 79  | 4326 | CLN | Bà Dương Thị Cảnh                           | BP031373 | 02-12-13   | khai hoang phục hóa năm 1988                                                                                        | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |

|    |          |    |     |       |     |                                            |          |          |                                                                                                                            |                              |
|----|----------|----|-----|-------|-----|--------------------------------------------|----------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 53 | Phú Ngọc | 87 | 121 | 2752  | CLN | Ông Đỗ Văn Lâm và Bà Vũ Thị Lan            | CT839034 | 18-12-19 | nhận chuyển quyền từ ông Trần Xuân Hy và bà Trần Thị Ngân năm 2019                                                         | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 54 | Phú Ngọc | 87 | 123 | 400   | ONT | Bà Nguyễn Thị Mai                          | BE397967 | 15-12-11 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1987                                                                                      | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 55 | Phú Ngọc | 87 | 127 | 699   | CLN | Ông Bùi Văn Chiến và Bà Nguyễn Thị Thúy    | BE349592 | 31-12-12 | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho ông Đinh Văn Thế năm 1986, đến năm 2004 sang nhượng cho ông Bùi Văn Chiến sử dụng         | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 56 | Phú Ngọc | 87 | 129 | 578   | BHK | Ông Đoàn Văn Quân và Bà Nguyễn Thị Ánh     | BE397775 | 15-12-11 | nhận chuyển quyền từ ông Nguyễn văn Chín và bà Trịnh Thị Hoa Lan năm 2016                                                  | Chưa tìm thấy HS NVTC        |
| 57 | Phú Ngọc | 87 | 154 | 400   | ONT | Bà Dương Thị Cảnh                          | BE349577 | 31-12-12 | Cty mía đường cấp năm 1995                                                                                                 | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 58 | Phú Ngọc | 87 | 162 | 292   | ONT | Ông Nguyễn Văn Mạnh và Bà Nguyễn Thị Tinh  | BE394382 | 05-07-13 | Cty mía đường La Ngà cấp năm 1986                                                                                          | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 59 | Phú Ngọc | 88 | 14  | 233.7 | ONT | Ông Phan Ngọc Xuân và Bà Nguyễn Thị Oanh   | BE349541 | 31-12-12 | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho ông Nguyễn Hữu Long năm 1986, đến năm 2003 sang nhượng lại cho ông Phan Ngọc Xuân sử dụng | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 60 | Phú Ngọc | 88 | 23  | 489.1 | CLN | Ông Nguyễn Duy Quân và Bà Nguyễn Thị Thành | BE397785 | 15-12-11 | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho ông Nguyễn văn Chiến năm 1988. Đến năm 1996 sang nhượng cho ông Quân sử dụng              | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 61 | Phú Ngọc | 88 | 33  | 500.4 | CLN | Ông Nguyễn Phi Khanh và Bà Nguyễn Thị Xuân | BE397918 | 15-12-11 | Công ty Mía đường La Ngà cấp năm 1988                                                                                      | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |
| 62 | Phú Ngọc | 88 | 38  | 400   | ONT | Ông Nguyễn Duy Quân và Bà Nguyễn Thị Thành | BE397786 | 15-12-11 | Công ty Mía đường La Ngà cấp cho ông Nguyễn Văn Chiến năm 1988, đến năm 1990 sang nhượng cho ông Nguyễn Duy Quân sử dụng   | Xác nhận chưa thực hiện NVTC |



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH CÁC HỘ/CÁ NHÂN HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN TRỒNG MÍA  
Ban hành kèm theo Kết luận số 11/KL-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



| STT | Họ và tên                   | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |             |               |              | Địa chỉ thửa đất  |                      | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|--------------------------------|-------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     |                             | Địa chỉ                        | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô                   |                         |         |
|     |                             | TỔNG CỘNG                      |             |               |              |                   |                      | 940,68                  |                         |         |
|     | Đội 1, 2, 3 (Nông trường 1) |                                |             |               |              |                   |                      | 53                      | 100,89                  |         |
| 1   | Nguyễn Thị Xự               | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 317                     | 1,5                     | Mía Cây |
| 2   | Đinh Văn Nhất               | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 383                     | 2                       | Mía Cây |
| 3   | Trương Thị Theo             | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 326                     | 1,6                     | Mía Cây |
| 4   | Nguyễn Châu Hòa             | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 421                     | 1,33                    | Mía Cây |
| 5   | Hồ Bá Đề                    | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 312                     | 1,42                    | Mía Cây |
| 6   | Trần Thị Phong              | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 314                     | 1,5                     | Mía Cây |
| 7   | Hầu Thị Hạnh                | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 302                     | 0,8                     | Mía Cây |
| 8   | Nguyễn Văn Nguyễn           | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 379                     | 1,27                    | Mía Cây |
| 9   | Nguyễn Thị Quỳnh            | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 392                     | 1,42                    | Mía Cây |
| 10  | Phan Viết Tam               | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 234                     | 1,47                    | Mía Cây |
| 11  | Lê Cò*                      | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 384                     | 0,8                     | Mía Cây |
|     |                             |                                |             |               |              |                   |                      | 383                     | 0,5                     | Mía Cây |
|     |                             |                                |             |               |              |                   |                      | 368                     | 1,4                     | Mía Cây |
|     |                             |                                |             |               |              |                   |                      | 450                     | 1,68                    | Mía Cây |
|     |                             |                                |             |               |              |                   |                      | 295                     | 0,92                    | Mía Cây |
| 12  | Trần Thị Lý                 | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 350                     | 1,24                    | Mía Cây |
| 13  | Nguyễn Văn Nhân             | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 218                     | 1,56                    | Mía Cây |
| 14  | Trần Văn Ứng                | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 381                     | 1,61                    | Mía Cây |
|     |                             |                                |             |               |              |                   |                      | 223                     | 1,56                    | Mía Cây |
|     |                             |                                |             |               |              |                   |                      | 224                     | 0,8                     | Mía Cây |
| 15  | Mai Thanh Hùng              | Ấp 5, xã Gia Canh              | /CP-MDLN-HD |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 374                     | 1,45                    | Mía Cây |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |             |               |              |                   |                      |               |         |  | Địa chỉ thửa đất |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|-------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------------|---------|--|------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô         |         |  |                  |         |                         |                         |         |
| 16  | Đình Trung Sơn                 | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 351     |  | 1.42             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 17  | Lê Thị Đào                     | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 64      |  | 1.5              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 18  | Trần Thị Thuận                 | Áp 7, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 41C     |  | 1                | Mía Cây |                         |                         |         |
| 19  | Nguyễn Văn Thịnh               | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 41B     |  | 0.6              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 20  | Đào Thị Loan                   | Áp 4, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 116     |  | 1                | Mía Cây |                         |                         |         |
| 21  | Trần Thị Mai                   | Áp 3, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 380     |  | 0.5              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 22  | Võ Tấn Cường                   | Áp 4, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 234     |  | 1.23             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 23  | Nguyễn Vĩnh Thiện              | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 293     |  | 1.25             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 24  | Phạm Văn Niên                  | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 178     |  | 1.5              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 25  | Nguyễn Thị Thanh               | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 327     |  | 1.4              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 26  | Nguyễn Văn Thướng              | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 375     |  | 0.95             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 27  | Nguyễn Đình Hải                | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 306     |  | 1.52             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 28  | Dương Thị Diễm                 | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 61      |  | 1.61             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 29  | Dương Huy Phương               | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 303     |  | 1.4              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 30  | Phan Xuân Linh                 | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 372     |  | 1.57             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 31  | Nguyễn Thị Xuân                | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 358     |  | 1.7              | Mía Cây |                         |                         |         |
| 32  | Nguyễn Đình Thường             | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 300+357 |  | 2.59             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 33  | Trần Thị Lụa                   | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 306     |  | 1.64             | Mía Cây |                         |                         |         |
| 34  | Trần Sỹ Dương                  | Áp 5, xã Gia Canh | /CP-MĐLN-HĐ |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 423     |  | 0.73             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 137     |  | 0.8              | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 233     |  | 1.54             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 111     |  | 2.12             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 268     |  | 1                | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 62      |  | 1.61             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 119     |  | 1.23             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 406     |  | 1.42             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 214     |  | 1.61             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 215+268 |  | 2.01             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 384     |  | 0.8              | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 710     |  | 1.1              | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 329     |  | 1.53             | Mía Cây |                         |                         |         |
|     |                                |                   |             |               | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 1 | 397     |  | 1.53             | Mía Cây |                         |                         |         |



| Tỉnh trạng hợp đồng nhận khoán |                  |                   |               |               |              |                   |                      |       |        | Địa chỉ thửa đất |  | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|--------------------------------|------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------|--------|------------------|--|-------------------------|-------------------------|---------|
| STT                            | Họ và tên        | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô |        |                  |  |                         |                         |         |
| 35                             | Phan Thị Trúc    | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 185   | 1.23   | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 36                             | Nguyễn Văn Cường | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 373   | 1.4    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 37                             | Dương Huy Danh   | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 377   | 1.46   | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 38                             | Dương Huy Dân    | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 267   | 1.52   | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 39                             | Phạm Thị Kim Hoa | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        | 378   | 1.52   | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 40                             | Phan Văn Hùng    | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.85   | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 41                             | Nguyễn Thị Tuyền | Gia Canh          | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.92   | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 42                             | Nguyễn Thị Kinh  | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.4    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 43                             | Trịnh Kim Lực    | Gia Canh          | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.3    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 44                             | Trần Xuân Viễn   | Gia Canh          | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.5    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 45                             | Trần Văn Luân    | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 0.5    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 46                             | Lương Thị Minh   | Gia Canh          | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.4    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 47                             | Trần Thị Huệ     | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.3    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 48                             | Trần Hữu Bang    | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.5    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 49                             | Thái Đình Việt   | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.4    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 50                             | Thái Đình Trung  | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.5    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 51                             | Nguyễn Văn Ân    | Gia Canh          | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.8    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 52                             | Hoàng Văn Dương  | Ấp 5, xã Gia Canh | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 2.2    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 53                             | Thái Đình Lợi    | Gia Canh          | /CP-MDLN-HD   |               | 2000         | 20 năm            | Nông trường 1        |       | 1.5    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| ĐỘI 4 (Nay là Nông trường 3)   |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 92    | 219.37 | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 1                              | Nguyễn Thanh Hào | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 02/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 218   | 1      | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 2                              | Nguyễn Duy Dũng  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 03/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 71    | 0.7    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
|                                |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 514   | 0.5    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
|                                |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 517   | 0.4    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
|                                |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 154   | 0.6    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 3                              | Nguyễn Thành Trí | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 04/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 609   | 1.8    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
|                                |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 473   | 0.2    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
|                                |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 503   | 1.3    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 4                              | Lê Thị Liên      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 05/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 538   | 1.8    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
| 5                              | Trần Đình Hùng   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 06/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 393   | 0.9    | Mía Cây          |  |                         |                         |         |
|                                |                  |                   |               |               |              |                   |                      | 509   | 2      | Mía Cây          |  |                         |                         |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      |               |         |  | Địa chỉ thửa đất |      | Cây trồng theo hợp đồng | Diện tích hợp đồng (ha) | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------------|---------|--|------------------|------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô         |         |  |                  |      |                         |                         |         |
| 6   | Trần Thị Thon                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 07/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 528     |  | Mía Cây          | 0.3  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 14      |  | Mía Cây          | 1    |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 40      |  | Mía Cây          | 0.6  |                         |                         |         |
| 7   | Nguyễn Lâm Thu                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 08/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 676     |  | Mía Cây          | 1    |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 17      |  | Mía Cây          | 1.5  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 31      |  | Mía Cây          | 1    |                         |                         |         |
| 8   | Phạm Văn Huyền                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 09/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 30      |  | Mía Cây          | 0.5  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 762     |  | Mía Cây          | 1.2  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 711     |  | Mía Cây          | 0.31 |                         |                         |         |
| 9   | Cao Thị Tàn                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 10/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 939     |  | Mía Cây          | 1.2  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 167     |  | Mía Cây          | 0.6  |                         |                         |         |
| 10  | Lương Thị Lan                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 11/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 616     |  | Mía Cây          | 0.6  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | ĐM      |  | Mía Cây          | 0.8  |                         |                         |         |
| 11  | Nguyễn Thị Tứ                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 12/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 853     |  | Mía Cây          | 1.6  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 541     |  | Mía Cây          | 0.8  |                         |                         |         |
| 12  | Mai Văn Điền                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 13/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 660     |  | Mía Cây          | 1.1  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 327     |  | Mía Cây          | 1.5  |                         |                         |         |
| 13  | Lê Xuân Nghĩa                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 14/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 317     |  | Mía Cây          | 0.7  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 14      |  | Mía Cây          | 2    |                         |                         |         |
| 14  | Vũ Ngọc Thiên                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 15/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 10      |  | Mía Cây          | 0.8  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 607     |  | Mía Cây          | 0.9  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 540     |  | Mía Cây          | 0.6  |                         |                         |         |
| 15  | Mai Ngọc Hoàn                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 16/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 871     |  | Mía Cây          | 1    |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 729+730 |  | Mía Cây          | 1.2  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 180     |  | Mía Cây          | 1.1  |                         |                         |         |
| 16  | Nguyễn Thị Sen                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 17/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 98      |  | Mía Cây          | 0.95 |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 360     |  | Mía Cây          | 0.6  |                         |                         |         |
| 17  | Trần Thị Hiền                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 18/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 382     |  | Mía Cây          | 1.2  |                         |                         |         |
| 18  | Trần Quốc Tuấn                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 19/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 621     |  | Mía Cây          | 1.3  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 268     |  | Mía Cây          | 1.4  |                         |                         |         |
| 19  | Nguyễn Thị Thu                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 20/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 363     |  | Mía Cây          | 1.2  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 937     |  | Mía Cây          | 2.2  |                         |                         |         |





| Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |                   |               |               |              |                   |                  |         |                         |                         |         |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|
| STT                            | Họ và tên         | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
| 20                             | Dương Thị Xinh    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 21/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 730+732 | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 21                             | Nguyễn Xuân Dậu   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 22/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 843+854 | 1.95                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 799     | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 22                             | Lê Văn Xuân       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 23/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 798     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 333     | 2.5                     | Mía Cây                 |         |
| 23                             | Nguyễn Cảnh Đông  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 24/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 481     | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 877     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 24                             | Hoàng Thị Nậy     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 25/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 940     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 606     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 25                             | Đỗ Văn Việt       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 26/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 498     | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 763     | 1.9                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 921     | 0.35                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 931     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
| 26                             | Nguyễn Thanh Đoàn | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 27/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 28+33   | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 703     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 250     | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
| 27                             | Phan Thị Luyến    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 28/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 544+545 | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 530     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
| 28                             | Phạm Xuân Thịnh   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 29/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 925     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 928     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 857     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
| 29                             | Mai Văn Thiện     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 30/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | T.Cư    | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 531     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 580+581 | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 30                             | Phạm Anh Tuấn     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 31/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 444+487 | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 507+529 | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 31                             | Hồ Sỹ Thức        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 32/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 690     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 820     | 0.95                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 18      | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 14      | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                  | 733     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 32                             | Nguyễn Lâm Bảy    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 33/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3    | 519+522 | 0.5                     | Mía Cây                 |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   | Địa chỉ thửa đất     |               | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |  |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------------|-------------------------|-------------------------|---------|--|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô         |                         |                         |         |  |
| 33  | Mai Thế Thái                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 34/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 632+644                 | 1                       | Mía Cây |  |
| 34  | Lê Văn Dũng                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 35/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 56+57                   | 2                       | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3 | 365                     | 1.4                     | Mía Cây |  |
| 35  | Bạch Thị Quý                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 36/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 95                      | 1.8                     | Mía Cây |  |
| 36  | Dương Hùng Ca                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 37/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 786                     | 1.7                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3 | 137+138                 | 1.2                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 124+125                 | 1.8                     | Mía Cây |  |
| 37  | Nguyễn Văn Quỳnh               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 38/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 139                     | 0.4                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 145                     | 0.6                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 80                      | 1                       | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 405                     | 0.32                    | Mía Cây |  |
| 38  | Trần Văn Chung                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 39/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 790                     | 0.58                    | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 786                     | 0.55                    | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 859+879                 | 2                       | Mía Cây |  |
| 39  | Hoàng Thị Tám                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 40/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 69                      | 1                       | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 324+325                 | 1.4                     | Mía Cây |  |
| 40  | An Viết Hải                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 41/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 904                     | 0.9                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 892                     | 2                       | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 878                     | 0.33                    | Mía Cây |  |
| 41  | Trần Thị Linh                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 42/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 384                     | 1                       | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 828                     | 0.7                     | Mía Cây |  |
| 42  | Nguyễn Đình Lý                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 43/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 405                     | 1                       | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 404                     | 1.4                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 525                     | 0.4                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 653                     | 0.4                     | Mía Cây |  |
| 43  | Lê Thị Hiền                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 44/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 782                     | 1.2                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 686                     | 0.4                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 922                     | 0.6                     | Mía Cây |  |
| 44  | Phan Thế Thắng                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 45/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3 | 407                     | 0.7                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 115                     | 0.3                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 409                     | 0.1                     | Mía Cây |  |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |               | 114                     | 0.8                     | Mía Cây |  |





| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   | Địa chỉ thửa đất     |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô   |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | T.Cư    | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 58      | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 100     | 0.55                    | Mía Cây                 |         |
| 45  | Hồ Sỹ Dục                      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 46/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 489     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 490     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 644     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 46  | Nguyễn Thanh Tuấn              | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 47/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 394     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 387     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 840     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 585     | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 47  | Trần Đình Sơn                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 48/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 674     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 586     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 432     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 93      | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 48  | Hoàng Văn Công                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 49/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 424     | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 183     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 81      | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
| 49  | Trần Trung Sơn                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 50/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 805     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 785     | 2.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 482     | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
| 50  | Cù Thị Lý                      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 51/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 423     | 0.45                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 364     | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
| 51  | Dương Thị Hồng                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 52/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 588+679 | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 532     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 52  | Trần Thị Trinh                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 53/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 913     | 3                       | Mía Cây                 |         |
| 53  | Phan Xuân Đoài                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 54/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 306     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 567+560 | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 54  | Mai Văn Nguyễn                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 55/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 537     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 688     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 384     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
| 55  | Nguyễn Văn Hoàn                | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 56/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 521     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 68      | 1.4                     | Mía Cây                 |         |



| Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                    |                   |               |               |              |                   |                      |         |                         |                         |         |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|
| STT                            | Họ và tên          | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô   |                         |                         |         |
| 56                             | Cao Xuân Thắng     | Áp 7, xã Phú Ngọc | 57/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 274     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 313     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
| 57                             | Trương Xuân Hào    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 58/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 133     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 6       | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 58                             | Lê Thị Bình        | Áp 7, xã Phú Ngọc | 59/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 794     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 841     | 0.75                    | Mía Cây                 |         |
| 59                             | Phạm Xuân Trường   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 60/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 793     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 207     | 1.6                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 475     | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 638     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 60                             | Nguyễn Thị Nhàn    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 61/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 597+598 | 1.8                     | Mía Cây                 |         |
| 61                             | Lê Xuân Mậu        | Áp 7, xã Phú Ngọc | 62/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 643     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 502     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 62                             | Trần Thị Ty        | Áp 7, xã Phú Ngọc | 63/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 140     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 305     | 1.7                     | Mía Cây                 |         |
| 63                             | Lê Viết Hạnh       | Áp 7, xã Phú Ngọc | 64/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 431     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 654     | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 655     | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 898     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 64                             | Nguyễn Thị Thúy    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 65/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 881     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 858     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 65                             | Nguyễn Viết Xuyên  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 66/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 414     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 397+399 | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 185     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 117     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 66                             | Đỗ Văn Ngân        | Áp 7, xã Phú Ngọc | 67/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 855     | 1.7                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 920     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 272     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
| 67                             | Nguyễn Trung Thành | Áp 7, xã Phú Ngọc | 68/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 903     | 1.25                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                    |                   |               |               |              |                   |                      | 903     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 68                             | Hoàng Văn Hải      | Áp 7, xã Phú Ngọc | 69/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 831     | 1                       | Mía Cây                 |         |



| STT | Họ và tên         | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |                | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|----------------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     |                   |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô          |                         |                         |         |
| 69  | Nguyễn Đức Thủy   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 70/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 831<br>242     | 2.5<br>0.3              | Mía Cây                 |         |
| 70  | Hồ Thị Nhân       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 71/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 513<br>639     | 0.9<br>1.2              | Mía Cây                 |         |
| 71  | Nguyễn Thành Hưng | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 72/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 383<br>85+88   | 0.7<br>3.4              | Mía Cây                 |         |
| 72  | Phan Xuân Đồng    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 73/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 89+166<br>207  | 0.6<br>0.3              | Mía Cây                 |         |
| 73  | Lê Văn Tú         | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 74/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 60+571<br>710  | 1<br>2                  | Mía Cây                 |         |
| 74  | Khuông Như Đoàn   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 75/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 491<br>213     | 1.3<br>1                | Mía Cây                 |         |
| 75  | Hồ Hữu Liên       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 76/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 667<br>669     | 0.7<br>0.7              | Mía Cây                 |         |
| 76  | Đào Thị Dung      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 77/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 900<br>856     | 1.3<br>0.5              | Mía Cây                 |         |
| 77  | Nguyễn Đình Trung | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 78/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 243+244<br>415 | 1.1<br>0.5              | Mía Cây                 |         |
| 78  | Hoàng Thị Thanh   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 79/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 778<br>918     | 1.3<br>1.6              | Mía Cây                 |         |
| 79  | Lê Thị Dầu        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 80/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 406<br>375     | 1.5<br>0.5              | Mía Cây                 |         |
| 80  | Nguyễn Văn Khoa   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 83/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 392<br>420     | 0.4<br>0.7              | Mía Cây                 |         |
| 81  | Nguyễn Thị Liễu   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 84/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 485<br>652     | 1.2<br>0.5              | Mía Cây                 |         |
| 82  | Bùi Thị Thân      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 85/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 165<br>186     | 0.5<br>1.3              | Mía Cây                 |         |
| 83  | Lê Thị Van        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 86/CP-MDLN-HD | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 96<br>629      | 1<br>0.7                | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 231            | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 788            | 0.42                    | Mía Cây                 |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      | Địa chỉ thửa đất |     | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------|-----|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô            |     |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 880 | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 770 | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
| 84  | Nguyễn Thị Thành               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 87/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 219              |     | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
| 85  | Nguyễn Thanh Thịnh             | Áp 7, xã Phú Ngọc | 88/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 301              |     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 672              |     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 86  | Bùi Văn Niêm                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 89/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 806              |     | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 807              |     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 924              |     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 87  | Trần Quyết Thắng               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 90/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 882              |     | 2.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 894              |     | 0.76                    | Mía Cây                 |         |
| 88  | Lâm Thị Thụ                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 91/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 395              |     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 143              |     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 89  | Lê Xuân Thành                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 92/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 419              |     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 700              |     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 622              |     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
| 90  | Mai Thanh Sơn                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 93/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 504              |     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 430              |     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 97               |     | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 126              |     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 91  | Nguyễn Văn Bính                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 94/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 798              |     | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 623              |     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 92  | Phạm Thị Mai                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 95/CP-MĐLN-HĐ | 12/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 506              |     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     | ĐÔI 5 ( Nay là Nông trường 2)  |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 69  | 176.12                  |                         |         |
| 1   | Đổng Thị Yến                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 01/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 483              |     | 0.95                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 48               |     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 2   | Phạm Xuân Bo                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 03/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 643+642          |     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 612              |     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 3   | Nguyễn Văn Hải                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 04/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 717              |     | 1.74                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 437              |     | 0.56                    | Mía Cây                 |         |
| 4   | Trần Thị Quy                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 05/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 686              |     | 1.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 624              |     | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
| 5   | Nguyễn Văn Hùng                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 06/CP-MĐLN-HĐ | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 165+154          |     | 1.8                     | Mía Cây                 |         |





| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              | Địa chỉ thửa đất  |                      | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô                   |                         |         |
| 6   | Trình Ngọc Thịnh               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 07/CP-MDLN-HD | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 152<br>135              | 1<br>0.4                | Mía Cây |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 572                     | 0.8                     | Mía Cây |
| 7   | Võ Văn Tuyết                   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 08/CP-MDLN-HD | 14-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 192<br>551              | 1.3<br>1.08             | Mía Cây |
| 8   | Nguyễn Văn Lập                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 09/CP-MDLN-HD | 16-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 342+332<br>389+438      | 1.8<br>2.3              | Mía Cây |
| 9   | Hồ Bửu Quang                   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 10/CP-MDLN-HD | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 553<br>60               | 0.7<br>1.3              | Mía Cây |
| 10  | Nguyễn Thị Luân                | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 11/CP-MDLN-HD | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 377<br>782              | 1.35<br>1               | Mía Cây |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 603                     | 0.2                     | Mía Cây |
| 11  | Bùi Công Am                    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 12/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 534<br>621+371          | 0.2<br>1.3              | Mía Cây |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 670+600                 | 1.1                     | Mía Cây |
| 12  | Nguyễn Đức Luyện Lê Thị H      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 13/CP-MDLN-HD | 14-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 661+465<br>205          | 0.6<br>1.3              | Mía Cây |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 179                     | 1.4                     | Mía Cây |
| 13  | Đỗ Duy Thắng                   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 14/CP-MDLN-HD | 19-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 279<br>515              | 0.4<br>2.3              | Mía Cây |
| 14  | Vũ Quý Lâm - Bùi Thị Hân       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 15/CP-MDLN-HD | 18-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 577+613                 | 1.8                     | Mía Cây |
| 15  | Trần Thị Nhâm                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 16/CP-MDLN-HD | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 661<br>664              | 0.4<br>1.5              | Mía Cây |
| 16  | Nguyễn Thị Thư                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 17/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 679<br>358              | 1.74<br>2.3             | Mía Cây |
| 17  | Lại Văn Khanh                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 18/CP-MDLN-HD | 13/1/2001     | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 143<br>72               | 0.3<br>0.49             | Mía Cây |
| 18  | Lê Xuân Bình - Lê Thị Yên      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 19/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 67<br>399               | 0.91<br>1.9             | Mía Cây |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 33                      | 0.3                     | Mía Cây |
| 19  | Lê Thị Kim                     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 20/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 241<br>110              | 0.8<br>0.5              | Mía Cây |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      | Địa chỉ thửa đất |      | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------|------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô            |      |                         |                         |         |
| 20  | Nguyễn Cao Tiến                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 21/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 571              | 1.2  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 305              | 0.5  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 302+216          | 2.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 21  | Nguyễn Nhật Thông              | Áp 7, xã Phú Ngọc | 22/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 507              | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 675+677          | 1.9  | Mía Cây                 |                         |         |
| 22  | Trần Thị Loan                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 23/CP-MĐLN-HĐ | 14-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 684+655          | 1.1  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 653              | 0.5  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 641              | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
| 23  | Trịnh Thị Nhị                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 24/CP-MĐLN-HĐ | 05-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 433              | 1.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 24  | Chu Thị Chuyên                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 25/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 668+669          | 2.6  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 588              | 0.2  | Mía Cây                 |                         |         |
| 25  | Nguyễn Thị Tuyết               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 26/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 300              | 0.5  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 309              | 1.2  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 295              | 1.3  | Mía Cây                 |                         |         |
| 26  | Đoàn Xuân Thi                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 27/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 705              | 2.6  | Mía Cây                 |                         |         |
| 27  | Trần Trung Sinh                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 28/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 430              | 0.7  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 755              | 2.4  | Mía Cây                 |                         |         |
| 28  | Phạm Đình Hòa                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 29/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 137              | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 519              | 0.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 29  | Lê Duy Tuyết                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 30/CP-MĐLN-HĐ | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 610              | 2.3  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 581              | 0.7  | Mía Cây                 |                         |         |
| 30  | Bùi Thị Hương                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 31/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 312              | 0.5  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 608              | 1.4  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 614              | 0.6  | Mía Cây                 |                         |         |
| 31  | Nguyễn Thị Hiền                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 32/CP-MĐLN-HĐ | 06-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 624              | 0.51 | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 616              | 0.8  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 604              | 0.7  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 635              | 1.29 | Mía Cây                 |                         |         |
| 32  | Lê Thị Mỹ Tín                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 33/CP-MĐLN-HĐ | 05-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 327              | 1.4  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 293              | 1.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 33  | Trương Văn Anh                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 34/CP-MĐLN-HĐ | 12-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 129              | 1.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 34  | Trần Thị Hoa                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 35/CP-MĐLN-HĐ | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 39               | 1.4  | Mía Cây                 |                         |         |





| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              | Địa chỉ thửa đất  |                      | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú            |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô                   |                         |                    |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 262+338<br>290+497      | 1.3<br>0.3              | Mía Cây<br>Mía Cây |
| 35  | Hồ Khánh Diên                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 36/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 328                     | 0.8                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 271                     | 1                       | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 253                     | 1.2                     | Mía Cây            |
| 36  | Nguyễn Văn Hào                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 37/CP-MDLN-HD | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 678                     | 1.3                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 600                     | 1.7                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 601                     | 0.17                    | Mía Cây            |
| 37  | Nguyễn Thị Chanh               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 38/CP-MDLN-HD | 19-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 371                     | 0.6                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 480                     | 1.3                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 791                     | 0.5                     | Mía Cây            |
| 38  | Trần Văn Toàn                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 39/CP-MDLN-HD | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 783+789                 | 0.9                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 494                     | 0.7                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 446                     | 0.3                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 772                     | 0.9                     | Mía Cây            |
| 39  | Nguyễn Thị Hương               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 40/CP-MDLN-HD | 14-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 726                     | 1                       | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 746                     | 0.5                     | Mía Cây            |
| 40  | Hoàng Công Chính               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 41/CP-MDLN-HD | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 195+249                 | 2.8                     | Mía Cây            |
| 41  | Vũ Thị Huệ                     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 42/CP-MDLN-HD | 15-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 448                     | 1.5                     | Mía Cây            |
| 42  | Trần Nhất Khôi                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 43/CP-MDLN-HD | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 461                     | 0.9                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 264                     | 1.65                    | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 177                     | 0.3                     | Mía Cây            |
| 43  | Phạm Thị Oanh                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 44/CP-MDLN-HD | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 468                     | 1.3                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 193                     | 1.54                    | Mía Cây            |
| 44  | Phạm Ngọc Hùng                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 46/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 471+510                 | 1.4                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 426                     | 0.4                     | Mía Cây            |
| 45  | Nguyễn Hùng Mạnh               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 47/CP-MDLN-HD | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 206                     | 1.47                    | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 35                      | 0.6                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 27                      | 1                       | Mía Cây            |
| 46  | Trần Văn Luân                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 48/CP-MDLN-HD | 12-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 87                      | 1.2                     | Mía Cây            |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 550                     | 1.1                     | Mía Cây            |
| 47  | Nguyễn Thị Hải                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 49/CP-MDLN-HD | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 587                     | 1.1                     | Mía Cây            |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      | Địa chỉ thửa đất |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô            |         |                         |                         |         |
| 48  | Hồ Huy Tế                      | Áp 7, xã Phú Ngọc | 51/CP-MĐLN-HĐ | 05-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 605     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 735     | 1.64                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 702     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
| 49  | Lương Thị Sâm                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 52/CP-MĐLN-HĐ | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 736     | 0.36                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 768     | 2.1                     | Mía Cây                 |         |
| 50  | Nguyễn Thị Tuệ                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 53/CP-MĐLN-HĐ | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 538     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 604     | 2                       | Mía Cây                 |         |
| 51  | Mai Hoàng Hùng                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 54/CP-MĐLN-HĐ | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 674     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 149     | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 54      | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 131     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 52  | Trần Thị Hồng                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 55/CP-MĐLN-HĐ | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 136     | 1.65                    | Mía Cây                 |         |
| 53  | Phan Thế Đại                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 56/CP-MĐLN-HĐ | 04-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 400     | 2.45                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 319     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
| 54  | Nguyễn Thị Vân                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 57/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 707     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 708     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 55  | Nguyễn Văn Lý                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 58/CP-MĐLN-HĐ | 05-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 238     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 357+355 | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 178     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 56  | Phan Văn Thắng                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 59/CP-MĐLN-HĐ | 11-01-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 141     | 0.92                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 775     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 57  | Trần Thị Vui                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 60/CP-MĐLN-HĐ | 05-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 753     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 621+653 | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 58  | Phạm Hồng Quang                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 61/CP-MĐLN-HĐ | 05-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 723     | 1.55                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 694     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 59  | Vũ Xuân Bình                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 62/CP-MĐLN-HĐ | 06-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 321     | 3                       | Mía Cây                 |         |
| 60  | Nguyễn Thị Thuần               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 63/CP-MĐLN-HĐ | 28-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 81      | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 61  | Đông Thị Sáu                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 64/CP-MĐLN-HĐ | 10-02-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 628     | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 711     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 710     | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
| 62  | Trần Nhất Khởi                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 67/CP-MĐLN-HĐ | 02-03-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 375     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 306     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |



| STT                                  | Họ và tên        | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |                   | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng       | Ghi chú |
|--------------------------------------|------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|-------------------------------|---------|
|                                      |                  |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô             |                         |                               |         |
| 63                                   | Phan Xuân Tân    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 68/CP-MDLN-HD | 13-03-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 360<br>276<br>64  | 0.4<br>2.1<br>1         | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
| 64                                   | Phạm Đình Trường | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 69/CP-MDLN-HD | 29-03-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 118<br>395        | 0.6<br>2                | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 65                                   | Ngô Thị Thùy     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 70/CP-MDLN-HD | 29-03-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 466<br>685<br>709 | 0.4<br>1.5<br>1.2       | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
| 66                                   | Nguyễn Thị Dinh  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 71/CP-MDLN-HD | 10-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 557<br>558<br>221 | 1.3<br>1.2<br>0.65      | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
| 67                                   | Trịnh Ngọc Tách  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 72/CP-MDLN-HD | 06-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 654<br>685        | 0.95<br>1               | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 68                                   | Phạm Thị Loan    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 73/CP-MDLN-HD | 06-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 676<br>556<br>159 | 1.2<br>1.3<br>0.3       | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
| 69                                   | Lê Minh Sơn      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 74/CP-MDLN-HD | 10-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 530               | 1.2                     | Mía Cây                       |         |
| <b>ĐOỊ 6 ( Nay là Nông trường 2)</b> |                  |                   |               |               |              |                   |                      | <b>78</b>         | <b>185.38</b>           |                               |         |
| 1                                    | Đặng Văn An      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 01/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 870               | 1.5                     | Mía Cây                       |         |
| 2                                    | Đỗ Tuấn Anh      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 02/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 500<br>144<br>256 | 1.2<br>1.8<br>1.86      | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
| 3                                    | Bùi Đăng Bộ      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 03/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 586               | 1.5                     | Mía Cây                       |         |
| 4                                    | Nguyễn Văn Bốn   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 04/CP-MDLN-HD | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 768               | 1.94                    | Mía Cây                       |         |
| 5                                    | Trần Tuấn Cải    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 05/CP-MDLN-HD | 10-11-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 67                | 0.6                     | Mía Cây                       |         |
| 6                                    | Đỗ Việt Tiến     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 06/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 68<br>38          | 2.4<br>1.84             | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 7                                    | Nguyễn Hữu Chính | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 07/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 506<br>459        | 1.5<br>1.5              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 8                                    | Hồ Huy Chiến     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 08/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 743               | 1.5                     | Mía Cây                       |         |
| 9                                    | Nguyễn Chí       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 09/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 754               | 0.8                     | Mía Cây                       |         |
| 10                                   | Nguyễn Văn Chính | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 10/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 293               | 0.2                     | Mía Cây                       |         |



| Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                       |                   |               |               |              |                   |                      |         |                         |                         |         |  |  |
|--------------------------------|-----------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|--|--|
| STT                            | Họ và tên             | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô   |                         |                         |         |  |  |
| 11                             | Nguyễn Đình Chung (K) | Áp 7, xã Phú Ngọc | 11/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 484     | 2                       | Mía Cây                 |         |  |  |
| 12                             | Nguyễn Đình Chung (T) | Áp 7, xã Phú Ngọc | 12/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 159     | 0.3                     | Mía Cây                 |         |  |  |
| 13                             | Nguyễn Hùng Cường     | Áp 7, xã Phú Ngọc | 13/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 148     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 606     | 1.5                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 204     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |  |  |
| 14                             | Hoàng Ngọc Đẩu        | Áp 7, xã Phú Ngọc | 14/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 306     | 0.31                    | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 37      | 1.21                    | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 281+278 | 0.97                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 15                             | Trịnh Thị Hà          | Áp 7, xã Phú Ngọc | 15/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | 746     | 1                       | Mía Cây                 |         |  |  |
| 16                             | Lê Thanh Hải          | Áp 7, xã Phú Ngọc | 16/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 807     | 1.9                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 446     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 214     | 1                       | Mía Cây                 |         |  |  |
| 17                             | Nguyễn Trọng Hải      | Áp 7, xã Phú Ngọc | 17/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | 214     | 0.57                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 18                             | Nguyễn Thị Hiền       | Áp 7, xã Phú Ngọc | 18/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 106     | 1.98                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 19                             | Phan Xuân Hải         | Áp 7, xã Phú Ngọc | 19/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 99      | 1.2                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 442     | 2.71                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 20                             | Trần Thị Hồng         | Áp 7, xã Phú Ngọc | 20/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | 365     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |  |  |
| 21                             | Nguyễn Văn Hòa        | Áp 7, xã Phú Ngọc | 21/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 25      | 2                       | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 23+24   | 2                       | Mía Cây                 |         |  |  |
| 22                             | Trịnh Minh Hoàng      | Áp 7, xã Phú Ngọc | 22/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | 606     | 1                       | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 803     | 1.02                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 23                             | Trương Thị Hiền       | Áp 7, xã Phú Ngọc | 23/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | 248     | 1.29                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 24                             | Phan Văn Khương       | Áp 7, xã Phú Ngọc | 24/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 58      | 1.42                    | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 633     | 0.69                    | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 494     | 0.65                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 25                             | Trần Trung Kiên       | Áp 7, xã Phú Ngọc | 25/CP-MĐLN-HĐ | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | 325     | 1                       | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 261     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 349     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 471     | 1                       | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 646     | 1.25                    | Mía Cây                 |         |  |  |
|                                |                       |                   |               |               |              |                   |                      | 865     | 1.66                    | Mía Cây                 |         |  |  |
| 26                             | Lê Văn Lai            | Áp 7, xã Phú Ngọc | 27/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 357     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |  |  |



| STT | Họ và tên       | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |                                             | Diện tích hợp đồng (ha)                        | Cây trồng theo hợp đồng                                                   | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                 |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô                                       |                                                |                                                                           |         |
| 27  | Lê Thị Liên     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 28/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 542<br>557<br>690<br>188<br>237             | 1.2<br>1<br>0.98<br>0.69<br>0.6                | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây                       |         |
| 28  | Nguyễn Thị Linh | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 29/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 677<br>57<br>167<br>282<br>629              | 1.6<br>1.5<br>0.8<br>0.7<br>2                  | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây                       |         |
| 29  | Nguyễn Văn Lợi  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 30/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 291<br>327                                  | 1.2<br>1                                       | Mía Cây<br>Mía Cây                                                        |         |
| 30  | Tổng Minh Luân  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 31/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 406<br>76<br>88<br>601<br>522<br>515<br>402 | 1.3<br>1.15<br>1.6<br>1.6<br>0.61<br>0.79<br>1 | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
| 31  | Trình Thị Mây   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 32/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 402                                         | 1.4                                            | Mía Cây                                                                   |         |
| 32  | Nguyễn Công Mạc | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 33/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 796<br>338<br>248                           | 0.8<br>0.8<br>1.29                             | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây                                             |         |
| 33  | Nguyễn Đức Mạnh | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 34/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 154<br>32<br>787<br>69+54                   | 1.5<br>1.99<br>1.5<br>2.27                     | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây                                  |         |
| 34  | Nguyễn Thị Minh | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 35/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 9<br>48<br>34                               | 0.95<br>1.68<br>1.4                            | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây                                             |         |
| 35  | Nguyễn Đình Mút | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 36/CP-MDLN-HD | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 26                                          | 1.24                                           | Mía Cây                                                                   |         |
| 36  | Trần Thị Mỹ     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 37/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |
| 37  | Nguyễn Anh Đức  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 38/CP-MDLN-HD | 10-11-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |
| 38  | Đỗ Duy Nghị     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 39/CP-MDLN-HD | 15-12-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |
| 39  | Lê Thị Nhung    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 40/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |
| 40  | Phạm Ngọc Núi   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 41/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |
| 41  | Đặng Đình Phúc  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 42/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |
| 42  | Lê Hồng Phúc    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 43/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        |                                             |                                                |                                                                           |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      | Địa chỉ thửa đất |      | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------|------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô            |      |                         |                         |         |
| 43  | Tổng Thị Quế                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 44/CP-MĐLN-HĐ | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 25               | 0.8  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 187              | 1.8  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 795              | 0.7  | Mía Cây                 |                         |         |
| 44  | Lê Thị Hồng Sâm                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 45/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 792              | 0.64 | Mía Cây                 |                         |         |
| 45  | Nguyễn Ngọc Sỹ                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 46/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 801+788          | 1.7  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 86               | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 280              | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
| 46  | Trần Quốc Sỹ                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 47/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 280              | 0.98 | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 302              | 1.4  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 8                | 0.98 | Mía Cây                 |                         |         |
| 47  | Trần Thị Tấn                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 48/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 37               | 1.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 48  | Trần Minh Tài                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 49/CP-MĐLN-HĐ | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 673              | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 728              | 0.8  | Mía Cây                 |                         |         |
| 49  | Phan Thị Thanh                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 50/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 521              | 1.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 50  | Đỗ Tấn Thắng                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 51/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 466              | 2.2  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 89               | 0.8  | Mía Cây                 |                         |         |
| 51  | Nguyễn Trung Thành             | Áp 7, xã Phú Ngọc | 52/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 236              | 2.3  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 726              | 0.7  | Mía Cây                 |                         |         |
| 52  | Trịnh Bá Thái                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 53/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 482+290          | 1.2  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 300+617          | 0.83 | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 346+630          | 1.03 | Mía Cây                 |                         |         |
| 53  | Phạm Văn Thí                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 54/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 82+81            | 0.1  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 82               | 2    | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 71               | 0.9  | Mía Cây                 |                         |         |
| 54  | Trịnh Bá Thịnh                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 55/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 748              | 2.7  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 587              | 0.48 | Mía Cây                 |                         |         |
| 55  | Tổng Thị Thu                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 56/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 453              | 1.5  | Mía Cây                 |                         |         |
| 56  | Lê Văn Thụ                     | Áp 7, xã Phú Ngọc | 57/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 98               | 1.7  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 547              | 0.4  | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 81               | 0.95 | Mía Cây                 |                         |         |
| 57  | Vũ Xuân Tín                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 58/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 350              | 1    | Mía Cây                 |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 350              | 2    | Mía Cây                 |                         |         |



| STT | Họ và tên         | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|---------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     |                   |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô   |                         |                         |         |
| 58  | Lê Văn Tùng       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 60/CP-MDLN-HD | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 247     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 59  | Trình Xuân Trường | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 61/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 198     | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 60  | Trình Thị Trụ     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 62/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 790     | 0.75                    | Mía Cây                 |         |
| 61  | Nguyễn Minh Tuấn  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 63/CP-MDLN-HD | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 559     | 2.35                    | Mía Cây                 |         |
| 62  | Vũ Đức Tuấn       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 64/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 307     | 1.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   | Nông trường 2        | 189     | 1.19                    | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 134     | 0.33                    | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 356     | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 63  | Nguyễn Tuyến      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 65/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 120     | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
| 64  | Vũ Thị Tuyến      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 66/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 377     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 588     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 473     | 1.12                    | Mía Cây                 |         |
| 65  | Trần Văn Tý       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 67/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 737     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 66  | Vũ Văn Tri        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 68/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 812     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 837     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 67  | Nguyễn Thị Uyên   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 69/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 451     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 524     | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 451     | 0.75                    | Mía Cây                 |         |
| 68  | Nguyễn Trọng Tâm  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 70/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 773     | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 55      | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 96      | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 69  | Giáp Thị Vân      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 71/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 556+252 | 2.3                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 531     | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 477     | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
| 70  | Nguyễn Thị Vân    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 72/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 44      | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 70      | 0.93                    | Mía Cây                 |         |
| 71  | Tổng Hồng Vân     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 73/CP-MDLN-HD | 20-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 70      | 0.45                    | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 331     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 72  | Lê Công Văn       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 74/CP-MDLN-HD | 25-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 691     | 0.85                    | Mía Cây                 |         |
| 73  | Nguyễn Hữu Viên   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 75/CP-MDLN-HD | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 2        | 335     | 2.44                    | Mía Cây                 |         |
|     |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 527     | 1.4                     | Mía Cây                 |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      | Địa chỉ thửa đất |           | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô            |           |                         |                         |         |
| 74  | Bùi Thị Soa                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 76/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 140       | 0.79                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 854       | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 143       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 160       | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
| 75  | Nguyễn Thị Yên                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 77/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 661       | 0.96                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 193       | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 117       | 0.54                    | Mía Cây                 |         |
| 76  | Võ Thị Châu                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 78/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 386       | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 46        | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 80        | 1.7                     | Mía Cây                 |         |
| 77  | Vũ Thị Nga                     | Áp 7, xã Phú Ngọc | 79/CP-MĐLN-HĐ | 15-12-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 303       | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 233       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 78  | Nguyễn Thị Châu                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 80/CP-MĐLN-HĐ | 10-11-01      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 2    | 655       | 1.7                     | Mía Cây                 |         |
|     | ĐỘI 7 ( Nay là Nông trường 3)  |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 77        | 192.53                  |                         |         |
| 1   | Nguyễn Thị Hồng                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 01/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 270       | 2.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 836       | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 2   | Trần Thị Nguyệt                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 02/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 639       | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 445       | 1.6                     | Mía Cây                 |         |
| 3   | Nguyễn Thị Tuất                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 03/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 265+294   | 1.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 232       | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 351       | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
| 4   | Nguyễn Văn Đạo                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 04/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 863       | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 16        | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 26+529+53 | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 5   | Lê Thị Phê                     | Áp 7, xã Phú Ngọc | 05/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 234       | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 625       | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 6   | Trần Hữu Hòa                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 06/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 710       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 723       | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 7   | Bùi Minh Phúc                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 07/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 263       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 363       | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 957       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | ko số     | 0.4                     | Mía Cây                 |         |





| Tỉnh trạng hợp đồng nhận khoán |                   |                   |               |               |              |                   |                      |           |                         |                         |         |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|---------|
| STT                            | Họ và tên         | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |           | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô     |                         |                         |         |
| 8                              | Trương Quốc Phòng | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 08/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 213       | 2.5                     | Mía Cây                 |         |
| 9                              | Nguyễn Trọng Nhật | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 09/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 890       | 3.4                     | Mía Cây                 |         |
| 10                             | Nguyễn Như Quỳnh  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 11/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 235       | 1.7                     | Mía Cây                 |         |
| 11                             | Nguyễn Thị Lan    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 12/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 477       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 474       | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 799       | 0.65                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 438       | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 556+557   | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 12                             | Trần Thị Ngọc Anh | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 13/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 823       | 2                       | Mía Cây                 |         |
| 13                             | Nguyễn Đình Tứ    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 14/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 544+584   | 1.8                     | Mía Cây                 |         |
| 14                             | Lê Văn Thắng      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 15/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 604+606   | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | +694+693+ | 1.7                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 13        | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
| 15                             | Nguyễn Thị Hương  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 16/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 315       | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 16                             | Lê Thị Nhã        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 17/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 204+205   | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 311+314   | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 17                             | Nguyễn Văn Hào    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 18/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 475       | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 603       | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 116       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 108       | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 266       | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 18                             | Nguyễn Xuân Oai   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 19/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 620       | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 340       | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 334       | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 117       | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 731       | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 19                             | Nguyễn Văn Lực    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 20/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 375       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 558       | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 662       | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 456       | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 452       | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
| 20                             | Nguyễn Thị Liễu   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 21/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 105       | 1                       | Mía Cây                 |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      |           |      |         | Địa chỉ thửa đất |  | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-----------|------|---------|------------------|--|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô     |      |         |                  |  |                         |                         |         |
| 21  | Nguyễn Trọng Hạ                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 22/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 637       | 1    | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 22  | Trần Thị Hà                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 23/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 268       | 0.25 | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 23  | Nguyễn Quang Trung             | Áp 7, xã Phú Ngọc | 26/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 190       | 1.4  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 24  | Nguyễn Xuân Tường              | Áp 7, xã Phú Ngọc | 27/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 155       | 1    | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 25  | Nguyễn Bá Luân                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 28/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 564       | 0.9  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 26  | Nguyễn Chiến Thắng             | Áp 7, xã Phú Ngọc | 29/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 153       | 0.5  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 27  | Lại Đức Hiền                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 30/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 292       | 1.3  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 28  | Thái Thị Sinh                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 31/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 719       | 1.5  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 29  | Vũ Văn Sách                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 32/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 77        | 1.3  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 30  | Nguyễn Thị Tư                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 33/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 434       | 0.15 | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 31  | Trần Văn Minh                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 34/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 196       | 0.6  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 32  | Nguyễn Kim Trọng               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 35/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 245       | 0.4  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 33  | Trần Đức Thắng                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 36/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 451       | 0.6  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
| 34  | Nguyễn Hữu Nguyên              | Áp 7, xã Phú Ngọc | 37/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 447       | 2    | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 431       | 0.6  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 18+07     | 1.2  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 340       | 0.8  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 101       | 1.7  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 690       | 0.45 | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 352       | 1.1  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 636       | 1.1  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 326       | 1.3  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 112+114   | 0.3  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 22+523+53 | 3    | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 6         | 1.4  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 244       | 0.7  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | ko số     | 0.56 | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 787       | 1.5  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 113+115   | 1.7  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 120       | 0.2  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 637       | 1    | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 583       | 1.6  | Mía Cây |                  |  |                         |                         |         |





| Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                      |                   |               |               |              |                   |                      |                         |                         |                               |         |
|--------------------------------|----------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------|
| STT                            | Họ và tên            | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |                         | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng       | Ghi chú |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số lô                   |                         |                               |         |
| 35                             | Nguyễn Thị Bình      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 38/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 24<br>197               | 0.9<br>0.55             | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 440                     | 0.2                     | Mía Cây                       |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 545                     | 0.7                     | Mía Cây                       |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 519                     | 0.45                    | Mía Cây                       |         |
| 36                             | Phạm Đình Hành       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 40/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 238<br>835              | 2.8<br>0.5              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 37                             | Nguyễn Thị Bình      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 41/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 361+362                 | 3                       | Mía Cây                       |         |
| 38                             | Nguyễn Hồng Dân      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 42/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 385                     | 3                       | Mía Cây                       |         |
| 39                             | Phan Thị Dương       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 43/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 66                      | 1.6                     | Mía Cây                       |         |
| 40                             | Võ Văn Thôi          | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 44/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 451<br>160              | 0.6<br>1.3              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 41                             | Vũ Đức Hùng          | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 45/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 633<br>835              | 0.9<br>0.6              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 42                             | Phan Xuân Diện       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 46/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | ko số<br>201<br>202+233 | 0.85<br>0.5<br>0.8      | Mía Cây<br>Mía Cây<br>Mía Cây |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 231                     | 0.5                     | Mía Cây                       |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 621                     | 0.5                     | Mía Cây                       |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 829                     | 0.5                     | Mía Cây                       |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 455                     | 0.4                     | Mía Cây                       |         |
| 43                             | Nguyễn Thị Thanh Sơn | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 48/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 501                     | 0.8                     | Mía Cây                       |         |
| 44                             | Nguyễn Văn Mỹ        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 49/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 247<br>20+57            | 0.9<br>1.8              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 45                             | Phan Quốc Vinh       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 50/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 85+86                   | 2.6                     | Mía Cây                       |         |
| 46                             | Nguyễn Thị Duyên     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 51/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 718<br>295              | 0.6<br>1.5              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
| 47                             | Nguyễn Thị Luật      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 52/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 420<br>161              | 1.5<br>1                | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |
|                                |                      |                   |               |               |              |                   |                      | 707                     | 1                       | Mía Cây                       |         |
| 48                             | Nguyễn Thị Huyền     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 53/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 703<br>139              | 0.5<br>0.8              | Mía Cây<br>Mía Cây            |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      | Địa chỉ thửa đất |           | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô            |           |                         |                         |         |
| 49  | Vũ Thị Nụ                      | Áp 7, xã Phú Ngọc | 55/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 833+838   | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
| 50  | Vũ Thị Loan                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 56/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 472+473   | 2                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 259       | 2                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 730       | 0.45                    | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 582       | 0.42                    | Mía Cây                 |         |
| 51  | Nguyễn Duy Hùng                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 58/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 462+470   | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 147       | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 838       | 1                       | Mía Cây                 |         |
| 52  | Trịnh Thị Lộc                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 59/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 673       | 0.4                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 448       | 1                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 744       | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 53  | Bùi Minh Đức                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 60/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 570       | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 669       | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 62+63+64  | 0.8                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 104       | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
| 54  | Vũ Đức Dũng                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 61/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 61        | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 317       | 0.1                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 663       | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 55  | Vũ Thị Chức                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 62/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | ko số     | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
| 56  | Trần Xuân Sáu                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 64/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 263       | 2.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 457       | 2                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 443+444   | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
| 57  | Trần Thị Nguyệt                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 65/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 364       | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    | 639       | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      |                  | 495       | 1.6                     | Mía Cây                 |         |
| 58  | Đinh Thị Thu                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 66/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 20+321+35 | 3                       | Mía Cây                 |         |
| 59  | Nguyễn Thị Lý                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 67/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 102       | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
| 60  | Nguyễn Duyên Sơn               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 68/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 547       | 3.5                     | Mía Cây                 |         |
| 61  | Trần Thị Liên                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 69/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 726       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 62  | Nguyễn Doãn Mai                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 70/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    |           | 2                       | Mía Cây                 |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | Nông trường 3    |           | 0.65                    | Mía Cây                 |         |
| 63  | Trần Thị Dục                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 73/CP-MĐLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            |                      | Nông trường 3    | 156       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |





| Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |                   |               |               |              |                   |                      |           |                         |                         |         |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|---------|
| STT                            | Họ và tên         | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất     |           | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   | Nông trường hiện tại | Số tó     |                         |                         |         |
| 64                             | Nguyễn Văn Lý     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 74/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 341       | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
| 65                             | Nguyễn Văn Dực    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 75/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 20+57     | 1.8                     | Mía Cây                 |         |
| 66                             | Nguyễn Thị Thơ    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 76/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 293+325   | 3                       | Mía Cây                 |         |
| 67                             | Trịnh Bá Bình     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 77/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 229       | 1.3                     | Mía Cây                 |         |
| 68                             | Nguyễn Thị Lý (T) | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 78/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 560+562   | 2.5                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   | Nông trường 3        | 17        | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 143       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 69                             | Mai Thanh Hồng    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 79/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 162       | 1                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 103       | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 279       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 498       | 0.6                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 400       | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 70                             | Hoàng Bá Cầu      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 80/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 281       | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 48+83     | 2.4                     | Mía Cây                 |         |
| 71                             | Trần Quốc Khánh   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 81/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 423+454   | 2.9                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 430       | 0.3                     | Mía Cây                 |         |
| 72                             | Vũ Thị Hạnh       | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 82/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 805       | 2                       | Mía Cây                 |         |
| 73                             | Trần Thị Giò      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 83/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 248       | 2                       | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 240       | 0.5                     | Mía Cây                 |         |
| 74                             | Trần Thị Phúc     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 84/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 545       | 0.7                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 519       | 0.45                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 197       | 0.55                    | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 743       | 0.2                     | Mía Cây                 |         |
| 75                             | Phạm Văn Lợi      | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 85/CP-MDLN-HĐ | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 515       | 1.5                     | Mía Cây                 |         |
| 76                             | Nguyễn Tấn Trung  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 86/CP-MDLN-HĐ | 20-11-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 819       | 1.4                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 854       | 2                       | Mía Cây                 |         |
| 77                             | Vũ Thị Huệ        | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 87/CP-MDLN-HĐ | 20-11-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 127       | 1.8                     | Mía Cây                 |         |
|                                | <b>ĐỘI 8</b>      |                   |               |               |              |                   |                      | <b>32</b> | <b>66.39</b>            |                         |         |
| 1                              | Nguyễn Thị Miên   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 01/CP-MDLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 24        | 1.1                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 8         | 0.9                     | Mía Cây                 |         |
| 2                              | Nguyễn Minh Khôi  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 02/CP-MDLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 23        | 1.2                     | Mía Cây                 |         |
|                                |                   |                   |               |               |              |                   |                      | 23        | 1                       | Mía Cây                 |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   |                      |       |         |      | Địa chỉ thửa đất |  | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|-------|---------|------|------------------|--|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô |         |      |                  |  |                         |                         |         |
| 3   | Lê Văn Hải                     | Áp 7, xã Phú Ngọc | 03/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 42    | Mía Cây | 1.99 |                  |  |                         |                         |         |
| 4   | Nguyễn Lâm Tuấn                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 04/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 35    | Mía Cây | 1.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 5   | Lê Văn Hùng                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 05/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 54    | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
| 6   | Nguyễn Viết Danh               | Áp 7, xã Phú Ngọc | 06/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 37    | Mía Cây | 1.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 7   | Hoàng Danh Lợi                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 07/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 45    | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
| 8   | Thái Đình Hiền                 | Áp 7, xã Phú Ngọc | 08/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 13    | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
| 9   | Nguyễn Văn Hưng                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 09/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 46    | Mía Cây | 1.1  |                  |  |                         |                         |         |
| 10  | Nguyễn Tiến Thành              | Áp 7, xã Phú Ngọc | 10/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 6     | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
| 11  | Nguyễn Văn Thái                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 11/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 6     | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
| 12  | Trần Minh Tâm                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 12/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 41    | Mía Cây | 1.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 13  | Nguyễn Xuân Thành              | Áp 7, xã Phú Ngọc | 13/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 41    | Mía Cây | 0.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 14  | Nguyễn Công Năm                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 14/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 1     | Mía Cây | 1.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 15  | Nguyễn Thị Minh                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 15/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 1     | Mía Cây | 0.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 16  | Nguyễn Văn Hạnh                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 16/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 51    | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
| 17  | Nguyễn Thị Loan                | Áp 7, xã Phú Ngọc | 17/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 28    | Mía Cây | 1.8  |                  |  |                         |                         |         |
| 18  | Phạm Văn Lợi                   | Áp 7, xã Phú Ngọc | 18/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 28    | Mía Cây | 0.5  |                  |  |                         |                         |         |
| 19  | Hoàng Xuân Vũ                  | Áp 7, xã Phú Ngọc | 19/CP-MĐLN-HĐ | 20/10/2000    | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 17    | Mía Cây | 0.57 |                  |  |                         |                         |         |
| 20  | Võ Văn Hồng                    | Áp 7, xã Phú Ngọc | 02/CP-MĐLN-HĐ | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 43    | Mía Cây | 1.4  |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 27    | Mía Cây | 1.5  |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 27    | Mía Cây | 0.5  |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 29    | Mía Cây | 2.2  |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 52    | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 43    | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 455   | Mía Cây | 1    |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 538   | Mía Cây | 0.5  |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 409   | Mía Cây | 0.6  |                  |  |                         |                         |         |
|     |                                |                   |               |               |              |                   |                      | 574   | Mía Cây | 0.9  |                  |  |                         |                         |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |                   |               |               |              |                   | Địa chỉ thửa đất     |                    | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------|---------------|---------------|--------------|-------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ           | Số hợp đồng   | Ngày hợp đồng | Năm hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô              |                         |                         |         |
| 21  | Bùi Đức Bình                   | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 24/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 121<br>151         | 0.7<br>0.9              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 22  | Phạm Thu Phương                | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 25/CP-MDLN-HD | 12-10-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 55+56<br>449       | 1.2<br>1.1              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 23  | Phạm Thị Huyền                 | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 39/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 374+489<br>84      | 0.3<br>2.6              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 24  | Nguyễn Thị Sĩ                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 47/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 456<br>599         | 2.2<br>0.6              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 25  | Lê Thị Miên                    | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 54/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 328+331<br>356     | 1.8<br>1.5              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 26  | Nguyễn Thị Liên                | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 57/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 393<br>310         | 0.2<br>1.3              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 27  | Đặng Thị Hiền                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 50/CP-MDLN-HD | 13-01-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 564+565<br>646+630 | 1.03<br>0.5             | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 28  | Lê Đình Tô                     | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 59/CP-MDLN-HD | 15-12-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 590<br>348         | 1.3<br>0.9              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 29  | Phạm Xuân Thiêng               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 63/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 864<br>751         | 2.6<br>2.3              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 30  | Giang Văn Tôn                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 65/CP-MDLN-HD | 12-02-01      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 732<br>308         | 0.2<br>0.5              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 31  | Phạm Thị Liễu                  | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 81/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 446<br>168+169     | 0.6<br>1.5              | Mía Cây<br>Mía Cây      |         |
| 32  | Nguyễn Huy Chiên               | Ấp 7, xã Phú Ngọc | 82/CP-MDLN-HD | 12-10-00      | 2000         | 20 năm            | Nông trường 3        | 501                | 1.7                     | Mía Cây                 |         |

**Tổng cộng 401 Hợp đồng**





Phụ lục số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN  
**TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

DANH SÁCH CÁC HỘ/CÁ NHÂN HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN TRỒNG KEO



*(Bản hành Kèm theo Kế luận số 1 /KL-UBND ngày 31/ 7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán      |          |             |               | Địa chỉ thửa đất     |                            |                            | Diện tích<br>hợp đồng<br>(ha) | Cây trồng<br>theo hợp<br>đồng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|----------|-------------|---------------|----------------------|----------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|---------|
|     | Họ và tên                           | Địa chỉ  | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Thời hạn hợp<br>đồng | Nông<br>trường<br>hiện tại | Số lô                      |                               |                               |         |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                    |          |             |               |                      |                            |                            | <b>28.01</b>                  |                               |         |
|     | <b>Đội 1, 2, 3 ( Nông trường 1)</b> |          |             |               |                      |                            |                            | <b>8.35</b>                   |                               |         |
| 1   | Phan Thị Thái                       | Cao cang | 0401-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu dân cư đội 1           | 0.1                           | Keo                           |         |
| 2   | Nguyễn Thị Cảnh                     | Cao cang | 0402-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Tiến Thành             | 0.2                           | Keo                           |         |
| 3   | Phan Thế Phùng                      | Cao cang | 0403-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Giáp ranh giới xã Phú Điền | 0.2                           | Keo                           |         |
| 4   | Phan Quốc Linh                      | Cao cang | 0404-HDBTTT | 21-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Giáp ranh giới xã Phú Điền | 1.1                           | Keo                           |         |
| 5   | Bùi Thị Hiền                        | Cao cang | 0405-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                            | 0.2                           | Keo                           |         |
| 6   | Nguyễn Đình Thường                  | Cao cang | 0406-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu năm cam                | 0.2                           | Keo                           |         |
| 7   | Lê Đình Chung                       | Cao cang | 0407-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu 9E                     | 0.6                           | Keo                           |         |
| 8   | Trần Hữu Thanh                      | Cao cang | 0408-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu dân cư đội 1           | 0.1                           | Keo                           |         |
| 9   | Nguyễn Đình Hải                     | Cao cang | 0409-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu dân cư đội 2           | 0.2                           | Keo                           |         |
| 10  | Vũ Ngọc Bích Trâm                   | Cao cang | 0410-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                            | 0.1                           | Keo                           |         |
| 11  | Dương Huy Phương                    | Cao cang | 0411-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                            | 0.1                           | Keo                           |         |
| 12  | Nguyễn Văn Minh                     | Cao cang | 0412-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                            | 1.3                           | Keo                           |         |
| 13  | Trần Xuân Quế                       | Cao cang | 0413-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Láng Cát               | 0.6                           | Keo                           |         |
| 14  | Nguyễn Việt Cường                   | Cao cang | 0414-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu dân cư đội 2           | 1                             | Keo                           |         |
| 15  | Trần Hữu Sơn                        | Cao cang | 0415-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                            | 0.2                           | Keo                           |         |
| 16  | Phan Thế Cận                        | Cao cang | 0416-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Bầu Nai                | 0.2                           | Keo                           |         |
| 17  | Phan Xuân Linh                      | Cao cang | 0417-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Năm Cam                | 0.1                           | Keo                           |         |
| 18  | Dương Thị Hoàng                     | Cao cang | 0418-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Năm Cam                | 0.1                           | Keo                           |         |
| 19  | Phan Thế Bình                       | Cao cang | 0419-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Bầu Cây Đội 1          | 0.4                           | Keo                           |         |
| 20  | Nguyễn Văn Bò                       | Cao cang | 0420-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu lô 24                  | 0.6                           | Keo                           |         |
| 21  | Trình Kiên Cường                    | Cao cang | 0421-HDBTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu Tiến Thành             | 0.2                           | Keo                           |         |
| 22  | Trần Hữu Bang                       | Cao cang | 0422-HDBTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu bản cây NT1            | 0.1                           | Keo                           |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán   |          |             |               |                      |                            | Địa chỉ thửa đất   |              | Diện tích<br>hợp đồng<br>(ha) | Cây trồng<br>theo hợp<br>đồng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------|-------------|---------------|----------------------|----------------------------|--------------------|--------------|-------------------------------|-------------------------------|---------|
|     | Họ và tên                        | Địa chỉ  | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Thời hạn hợp<br>đồng | Nông<br>trường<br>hiện tại | Số lô              |              |                               |                               |         |
| 23  | Phan Viết Tam                    | Cao sang | 0423-HĐĐTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              | Khu sân banh đội 2 | 0.05         | Keo                           |                               |         |
| 24  | Nguyễn Mạnh Hà                   | Cao sang | 0424-HĐĐTTT | 21-06-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                    | 0.1          | Keo                           |                               |         |
| 25  | Nguyễn Văn Bờ                    | Cao sang | 0425-HĐĐTTT | 28-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 1              |                    | 0.3          | Keo                           |                               |         |
|     | <b>Đội 5,6 (Nông trường 2)</b>   |          |             |               |                      |                            |                    | <b>7.00</b>  |                               |                               |         |
| 1   | Phan Thế Đại                     | Phú Ngọc | 0435-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 2   | Nguyễn Văn Hồng                  | Phú Ngọc | -HĐĐTTT     | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.4          | Keo                           |                               |         |
| 3   | Nguyễn Thị Hiền                  | Phú Ngọc | 0426-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.7          | Keo                           |                               |         |
| 4   | Phan Văn Hiếu                    | Phú Ngọc | 0427-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 5   | Nguyễn Trọng Tâm                 | Phú Ngọc | 0428-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 6   | Nguyễn Văn Hồng                  | Phú Ngọc | 0429-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.4          | Keo                           |                               |         |
| 7   | Đặng Thị Hiền                    | Phú Ngọc | 0430-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.6          | Keo                           |                               |         |
| 8   | Nguyễn Ngọc Danh                 | Phú Ngọc | 0431-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 1.7          | Keo                           |                               |         |
| 9   | Lê Ngọc Hoàng                    | Phú Ngọc | 0432-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 1            | Keo                           |                               |         |
| 10  | Vũ Thị Hạnh                      | Phú Ngọc | 0433-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 11  | Đặng Văn An                      | Phú Ngọc | 0434-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 Năm               | Nông trường 2              |                    | 1            | Keo                           |                               |         |
|     | <b>ĐỘI 4,7,8 (Nông trường 3)</b> |          |             |               |                      |                            |                    | <b>12.66</b> |                               |                               |         |
| 1   | Trần Đình Bồng                   | Phú Ngọc | 0443-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              |                    | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 2   | Mai Văn Hùng                     | Phú Ngọc | 0439-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 796                | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 3   | Nguyễn Xuân Hà                   | Phú Ngọc | 0438-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 510                | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 4   | Trần Thị Giò                     | Phú Ngọc | 0440-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 248                | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 5   | Nguyễn Hùng Cường                | Phú Ngọc | 0441-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 692                | 0.4          | Keo                           |                               |         |
| 6   | Phan Thế Hương                   | Phú Ngọc | 0442-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 272                | 0.4          | Keo                           |                               |         |
| 7   | Hoàng Văn Công                   | Phú Ngọc | 0444-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 424                | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 8   | Nguyễn Văn Tuyên                 | Phú Ngọc | 0447-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 757+792            | 0.7          | Keo                           |                               |         |
| 9   | Mai Thị Lụa                      | Phú Ngọc | 0448-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 630                | 0.7          | Keo                           |                               |         |
| 10  | Nguyễn Thị Thái                  | Phú Ngọc | 0449-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 256                | 0.5          | Keo                           |                               |         |
| 11  | Nguyễn Duy Dũng                  | Phú Ngọc | 0450-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 410                | 0.2          | Keo                           |                               |         |
| 12  | Trần Minh Châu                   | Phú Ngọc | 0451-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 578                | 0.2          | Keo                           |                               |         |
| 13  | Nguyễn Văn Bình                  | Phú Ngọc | 0452-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 623                | 0.9          | Keo                           |                               |         |
| 14  | Lê Thị Dịu                       | Phú Ngọc | 0453-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 375                | 0.3          | Keo                           |                               |         |
| 15  | Lê Văn Thắng                     | Phú Ngọc | 0454-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 700                | 0.2          | Keo                           |                               |         |
| 16  | Phạm Thị Liễu                    | Phú Ngọc | 0455-HĐĐTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 392                | 0.7          | Keo                           |                               |         |





| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |          |              |               |                      | Địa chỉ thửa đất           |             | Diện tích<br>hợp đồng<br>(ha) | Cây trồng<br>theo hợp<br>đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------|--------------|---------------|----------------------|----------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ  | Số hợp đồng  | Ngày hợp đồng | Thời hạn hợp<br>đồng | Nông<br>trường<br>hiện tại | Số lô       |                               |                               |         |
| 17  | Ngô Tấn Giới                   | Phú Ngọc | 0456-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              |             | 0.8                           | Keo                           |         |
| 18  | Nguyễn Thanh Hải               | Phú Ngọc | 0457-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 624<br>216  | 0.16                          | Keo                           |         |
| 19  | Trình Bá Bình                  | Phú Ngọc | 0458-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 633+496+626 | 1.6                           | Keo                           |         |
| 20  | Đinh Thị Thu                   | Phú Ngọc | 0445-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 758         | 0.6                           | Keo                           |         |
| 21  | Vũ Ngọc Chiến                  | Phú Ngọc | 0459-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 220         | 0.2                           | Keo                           |         |
| 22  | Nguyễn Thị Hiền                | Phú Ngọc | 0426-HDBTTTT | 15-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              | 640+643     | 0.7                           | Keo                           |         |
| 23  | Nguyễn Văn Nhất                | Phú Ngọc | 0436-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              |             | 0.4                           | Keo                           |         |
| 24  | Nguyễn Trọng Hà                | Phú Ngọc | 0437-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              |             | 0.8                           | Keo                           |         |
| 25  | Nguyễn Hồng Nguyễn             | Phú Ngọc | 0446-HDBTTTT | 01-07-04      | 05 năm               | Nông trường 3              |             | 0.7                           | Keo                           |         |

Tổng cộng : 61 Hợp đồng



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH CÁC HỘ/CÁ NHÂN HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN AO, TRỒNG LÚA

Ban hành kèm theo Kết luận số 11/KL-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



| STT | Họ và tên          | Địa chỉ  | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Địa chỉ thửa đất | Số lô | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-------------|---------------|-------------------|------------------|-------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>   |          |             |               |                   |                  |       | <b>15.24</b>            |                         |         |
|     | <b>ĐỘI 1</b>       |          |             |               |                   |                  |       | <b>4.00</b>             |                         |         |
| 1   | Phan Quốc Sinh     | Cao Cang |             | 29-11-02      | 10 năm            | Nông trường 1    |       | 2.00                    | Đào ao                  |         |
| 2   | Phan Quốc Sinh     | Cao Cang |             | 29-11-02      | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 2.00                    | Trồng lúa               |         |
|     | <b>ĐỘI 3</b>       |          |             |               |                   |                  |       | <b>5.77</b>             |                         |         |
| 1   | Hoàng Hữu Nhu      | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.08                    | Trồng lúa               |         |
| 2   | Bùi Thị Hiền       | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.0943                  | Trồng lúa               |         |
| 3   | Lương Văn Phương   | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.11                    | Trồng lúa               |         |
| 4   | Tà Thị Liên        | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.105                   | Trồng lúa               |         |
| 5   | Nguyễn Công Khang  | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.205                   | Trồng lúa               |         |
| 6   | Mai Thị Hoàng Oanh | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.1103                  | Trồng lúa               |         |
| 7   | Phạm Trung Quyết   | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.075                   | Trồng lúa               |         |
| 8   | Dương Trọng Trí    | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.108                   | Trồng lúa               |         |
| 9   | Lê Đăng Khoa       | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.1173                  | Trồng lúa               |         |
| 10  | Nguyễn Thị Sáo     | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.1008                  | Trồng lúa               |         |
| 11  | Thái Ngọc Châu     | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.105                   | Trồng lúa               |         |
| 12  | Lê Xuân Quang      | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.2042                  | Trồng lúa               |         |
| 13  | Trương Khắc Thu    | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.1873                  | Trồng lúa               |         |
| 14  | Dương Đình Dân     | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.1                     | Trồng lúa               |         |
| 15  | Mai Quang Sáng     | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.2                     | Trồng lúa               |         |
| 16  | Đoàn Thị Lái       | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.2129                  | Trồng lúa               |         |
| 17  | Nguyễn Thị Huệ     | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.1043                  | Trồng lúa               |         |
| 18  | Trình Kiên Cường   | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.105                   | Trồng lúa               |         |
| 19  | Lê Thanh Trà       | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       | 0.2008                  | Trồng lúa               |         |
| 20  | Phan Thế Hoàn      | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1    |       |                         |                         |         |



| STT | Tình trạng hợp đồng nhận khoán |          |             |               |                   | Địa chỉ thửa đất     |       | Diện tích hợp đồng (ha) | Cây trồng theo hợp đồng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------|-------------|---------------|-------------------|----------------------|-------|-------------------------|-------------------------|---------|
|     | Họ và tên                      | Địa chỉ  | Số hợp đồng | Ngày hợp đồng | Thời hạn hợp đồng | Nông trường hiện tại | Số lô |                         |                         |         |
| 21  | Nguyễn Văn Trãi                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.204                   | Trồng lúa               |         |
| 22  | Nguyễn Văn Vinh                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.2                     | Trồng lúa               |         |
| 23  | Phạm Thị Kính                  | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.0936                  | Trồng lúa               |         |
| 24  | Huỳnh Kim Phương               | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.0936                  | Trồng lúa               |         |
| 25  | Nguyễn Thị Tiên                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.1042                  | Trồng lúa               |         |
| 26  | Huỳnh Tiến Dũng                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.1                     | Trồng lúa               |         |
| 27  | Thái Ngọc Thành                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.0943                  | Trồng lúa               |         |
| 28  | Vũ Ngọc Long                   | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.1055                  | Trồng lúa               |         |
| 29  | Huỳnh Văn Minh                 | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.21                    | Trồng lúa               |         |
| 30  | Nguyễn Quang Tuyền             | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.1043                  | Trồng lúa               |         |
| 31  | Đỗ Thị Hồng Anh                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.1129                  | Trồng lúa               |         |
| 32  | Đồng Thị Lan                   | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.3                     | Trồng lúa               |         |
| 33  | Phan Thế Trữ                   | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.196                   | Trồng lúa               |         |
| 34  | Trần Hoàng Sa                  | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.205                   | Trồng lúa               |         |
| 35  | Lương Xuân Tình                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.218                   | Trồng lúa               |         |
| 36  | Trần Thị Thanh                 | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.105                   | Trồng lúa               |         |
| 37  | Trần Thanh Thám                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.0995                  | Trồng lúa               |         |
| 38  | Nguyễn Thị Vinh                | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.199                   | Trồng lúa               |         |
| 39  | Nguyễn Thị Ty                  | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.092                   | Trồng lúa               |         |
| 40  | Vũ Ngọc Quang                  | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.1018                  | Trồng lúa               |         |
| 41  | Trương Thị Bích Thu            | Cao Cang |             |               | 03 năm            | Nông trường 1        |       | 0.105                   | Trồng lúa               |         |
|     | <b>ĐỘI 4</b>                   |          |             |               |                   |                      |       | <b>1.9624</b>           |                         |         |
| 1   | Phan Thị Nhung                 | Phú Ngọc |             |               | 03 năm            | Nông trường 2        | 441   | 1                       | Trồng lúa               |         |
| 2   | Phan Thị Nhung                 | Phú Ngọc |             |               | 10 năm            | Nông trường 2        | 440   | 0.4676                  | Đào ao                  |         |
| 3   | Nguyễn Văn Nghĩa               | Phú Ngọc |             |               | 10 năm            | Nông trường 2        | 225   | 0.356                   | Đào ao                  |         |
| 4   | Hồ Sỹ Dục                      | Phú Ngọc |             |               | 03 năm            | Nông trường 2        | 105   | 0.1388                  | Trồng lúa               |         |
|     | <b>ĐỘI 6</b>                   |          |             |               |                   |                      |       | <b>0.1</b>              |                         |         |
| 1   | Phan Thị Nhung                 | Phú Ngọc |             |               | 03 năm            | Nông trường 3        | 441   | 0.1                     | Trồng lúa               |         |
|     | <b>ĐỘI 7</b>                   |          |             |               |                   |                      |       | <b>3.403</b>            |                         |         |
| 1   | Trần Hữu Hòa                   | Phú Ngọc |             | 20/11/2002    | 10 năm            | Nông trường 2        | 2     | 0.026                   | Đào ao                  |         |
| 2   | Nguyễn Văn Nhu                 | Phú Ngọc |             | 20/11/2002    | 10 năm            | Nông trường 2        | 49    | 2.02                    | Đào ao                  |         |
| 3   | Nguyễn Duyên Sơn               | Phú Ngọc |             | 20/11/2002    | 10 năm            | Nông trường 2        | 53    | 0.057                   | Đào ao                  |         |
| 4   | Đinh Sỹ Ngọc                   | Phú Ngọc |             | 20/11/2002    | 10 năm            | Nông trường 2        | 84    | 0.3                     | Đào ao                  |         |
| 5   | Phạm Xuân Thiện                | Phú Ngọc |             | 25/06/2003    | 10 năm            | Nông trường 2        |       | 1                       | Đào ao                  |         |